

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Năng Tấn

2. Bà Nguyễn Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Kim Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2023 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 07/8/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hiền T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn Quảng L, xã Hán Q, huyện Quế V, Bắc N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Số 119 Đản D, xã Uy N, huyện Đông A, Hà Nội

Có mặt: Nguyên đơn

Vắng mặt: Bị đơn (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20/06/2023, Biên bản lấy lời khai đề ngày 04/7/2023 nguyên đơn chị Vũ Thị Hiền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hiền T và anh Nguyễn Đức K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Uy N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội ngày 12/12/2022. Quá trình chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc. Sau đó, chị T và anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống gây ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe tinh thần. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để chị sớm ổn định lại cuộc sống và tinh thần.

- Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 28/01/2023. Hiện tại, sức khoẻ cháu bình thường và cháu đang ở cùng với mẹ. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 11 tháng 7 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Đức K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T kết hôn năm 2022 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Uy N, huyện Đông A, Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Nay chị T có yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh K là không muốn ly hôn. Chị T bỏ nhà về nhà mẹ đẻ ở Bắc N mà không ở lại nhà chồng, mặc dù anh K đã có ý muốn vun vén, đoàn tụ, muốn thăm nom và chăm sóc con chung nhưng chị T không hợp tác. Trường hợp chị T cương quyết muốn ly hôn thì tùy quan điểm của chị. Anh K mong muốn hòa giải trước trong nội bộ gia đình, không đồng ý đến Tòa và không đồng ý hoà giải tại Tòa án.

Về con chung: Anh K và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 28/01/2023, hiện tại cháu đang ở cùng mẹ, trường hợp ly hôn, anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng do anh K tự lo liệu, tùy thuộc vào khả năng kinh tế. Hiện tại, anh K bán hàng quần áo, thu nhập 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1975 – mẹ đẻ của bị đơn anh Nguyễn Đức K trình bày tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng đề ngày 11/7/2023 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh K kết hôn vào năm 2022 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Uy N, huyện Đông A, Hà Nội. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn của chị T, anh K như thế nào bà Q không biết. Nay chị T muốn ly hôn là quyền của chị T, gia đình bà không can thiệp.

Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 28/01/2023. Hiện tại cháu đang ở cùng mẹ là chị T.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có

* Kết quả xác minh tại chính quyền, đoàn thể xã Uy N cho thấy:

Chị T, anh K có mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm rõ, anh chị chưa từng đề nghị chính quyền địa phương hoà giải, tuy nhiên, có thông tin từ phía gia đình anh K rằng chị T xin phép gia đình chồng để đưa con về chơi tại nhà cha mẹ đẻ tại Quế V, Bắc N từ tháng 05 năm 2023 đến thời điểm hiện tại, chị T và con chung của anh chị không còn ở tại Đản D.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Vũ Thị Hiền T giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Đức K. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 28/01/2023. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chủ tọa phiên tòa thông qua lời khai của anh K thể hiện anh có nguyện vọng đoàn tụ, có nguyện vọng nuôi con chung. Anh K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị Hiền T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 28/01/2023. Đến thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Đình Đức A đã được 6 tháng 21 ngày. Xét thấy, cháu Nguyễn Đình Đức A vẫn dưới 36 tháng tuổi, do vậy chị T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K do chị T không có yêu cầu giải về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Vũ Thị Hiền T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu về ly hôn, đây là tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh K có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đông Anh, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh K vắng mặt lần thứ hai, và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Đức K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Uy N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội ngày 12/12/2022 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nên đã đưa con về quê mẹ đẻ ở. Chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, đặc biệt là thời điểm chị đang nuôi con nhỏ dưới 6 tháng tuổi. Tuy nhiên, anh K còn trẻ không thực sự thấu hiểu tâm lý người vợ phải trải qua quá trình sinh nở và nuôi con nhỏ nên từ đó phát sinh mâu thuẫn. Chị T đã về quê sinh sống mang theo cả con nhỏ. Anh K khai có về đón nhưng chị T không đồng ý, không muốn trở về chung sống với gia đình chồng. Chị T cũng cho rằng khi vợ chồng mâu thuẫn, anh K vẫn thờ ơ, thiếu quan tâm chăm sóc nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Thời điểm tòa án thụ lý vụ án và thông báo hòa giải, anh K vẫn không đồng ý hòa giải tại Tòa án. Mặc dù anh K khai muốn đoàn tụ nhưng không thực sự thiện chí hòa giải, chị T cương quyết ly hôn với anh K, như vậy, khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng và những người thân trong gia đình. Hôn nhân của chị T và anh K thì không được như vậy, mâu thuẫn bắt nguồn từ sự không thấu hiểu, thông cảm lẫn nhau trong đời sống hàng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù anh K khai không muốn ly hôn với chị T vì xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, song bản thân không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, chị T cũng cương quyết yêu cầu ly hôn. Vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K là có căn cứ, đúng sự thật khách quan, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Cho chị T được ly hôn với anh K để giải phóng cho hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 28/01/2023. Đến thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Đình Đức A đã được 6 tháng 21 ngày. Xét thấy, cháu Nguyễn Đình Đức A vẫn dưới 36 tháng tuổi, do vậy chị T

có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K, chị T không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Điều 56; 81,82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Vũ Thị Hiền T, cho chị T được ly hôn với anh K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Đức A cho chị Vũ Thị Hiền T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K, chị T không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Vũ Thị Hiền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0045647 ngày 25/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh nay chuyển thành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Hiền T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Đức K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- UBND xã Uy N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Triệu Thuý Hà